TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
---*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--------*--------**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2022.
V/v tranh chấp:"Ly hôn, Nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 192 ngày 28/7/2021, các thông báo về thời gian mở phiên tòa số 239 ngày 14/9/2021 , thông báo số 246 ngày 27/9/2021, thông báo số 249 ngày 14/11/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà V, sinh năm 1992.** *Có mặt*
Địa chỉ thường trú: Khu phố 10, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông H, sinh năm: 1988.Vắng mặt.*
Địa chỉ thường trú: Khu phố E, phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà V trình bày***:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và chung sống từ năm 2017, đến năm 2018 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 30/01/2018 của UBND phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Sau khi sinh con vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống , dẫn đến xung đột hay cãi vã, nên tháng 8/2018 V cùng với con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến hiện nay,

nhưng H không quan tâm, không thăm nom hoặc thể hiện việc muốn hàn gắn hôn nhân. Do vậy bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: B (nữ) sinh ngày 25/02/2018, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không yêu cầu H góp phí tổn nuôi con chung.

***Về tài sản chung*:** Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật**.**

* Ý kiến Bị đơn: Ông H đã được giao thông báo thụ lý vụ án nhưng ông từ chối nhận và không có văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng của mình trong suốt thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử và mở phiên tòa sơ thẩm.

**Tòa án đã 02 lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng do vắng mặt bị đơn nên không hòa giải được.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn từ chối nhận, đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà V yêu cầu ly hôn do vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ tháng 8/2018 đến nay, ông H mặc dù đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện của V nhưng không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng về vấn đề ly hôn, chứng tỏ ông cũng không muốn hòa giải gìn giữ cuộc hôn nhân này, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51, 53 khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu nguyên đơn giao con chung cho V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự chưa có yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết do vậy đề nghị Tòa không xét; Các đương sự không yêu cầu giải quyết về nợ chung; đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1]Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn ông H thường trú tại Khu phố E, phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Bị đơn,ông H đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các thông báo mở lại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 02 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông H là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, ngày 30/01/2018 của UBND phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

V kiện xin ly hôn H vì cho rằng quan hệ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, một thời gian dài nhưng không còn quan tâm, không còn tình cảm đã nhiều năm;

Ông H biết rõ V đang kiện xin ly hôn ông nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc có đồng ý hay không đồng ý ly hôn, đồng thời ông lại không chịu đến Tòa án tham gia hòa giải để thể hiện tình cảm và thuyết phục bà Vy tiếp tục chung sống. Như vậy chứng tỏ về mặt ý chí ông đã bỏ mặc không muốn tìm cách để cứu vãn cuộc sống chung vợ chồng, chứng tỏ: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: B (nữ) sinh ngày 25/02/2018.

Xét thấy V có đầy đủ sức khỏe và khả năng lao động hoàn toàn đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung , do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn giao con chung cho V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về trợ cấp nuôi con chung , do V không yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét giải quyết trong vụ án , V và H đều có quyền khởi kiện về trợ cấp nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

[4] ***Về tài sản chung***: Nguyên đơn khai không có tài sản chung nên Tòa không giải quyết về tài sản chung.

[5] ***Về nợ chung***: Nguyên đơn khai không có nợ chung, do vậy Tòa không xét .

[6] ***Về án phí:*** Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do V nộp tại biên lai số 0003859 ngày 07/4/2021của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ *Tuyên xử*:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà V được ly hôn với ông H;

[2]**Về con chung**: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên: B (nữ) sinh ngày 25/02/2018.

Tuyên buộc ông H phải giao con chung B cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. V và ông Hiền đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về trợ cấp nuôi con chung do các đương sư không yêu cầu nên Tòa không xét.

[3] ***Về tài sản chung***: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về nợ chung***: Nguyên đơn khai không có nợ chung, nên Tòa không xét.

***3/ Về án phí*:** Bà V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do V nộp tại biên lai số 0003859 ngày 07/4/2021của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. V đã nộp xong án phí .

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Nơi nhận :
-*Tòa án Tỉnh;*
-*VKS Tp.P;*
-*Chi cục THADS TP. P;*
- *UBND phường A,PT;*
-*Đương sự;*
-*Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân